

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

VOSA CORPORATION



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
NĂM 2015



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300437898.
- Vốn điều lệ: 116.500.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 116.500.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Lầu 5 Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84 - 8) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax: (84 - 8) 54161823 – 54161824.
- Website: <http://www.vosa.com.vn> – <http://www.vosagroup.com>
- Mã cổ phiếu: VSA

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
 - + Ngày 08/08/1989, Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
 - + Ngày 12/05/1993, Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 30/12/2005, Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
 - + Ngày 31/03/2006, Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
 - + Ngày 14/06/2006, Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 20/10/2006, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 06 (ngày 13/12/2013), với mã số doanh nghiệp: 0300437898.
- Các sự kiện khác:
 - + Ngày 01/02/2007: Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (liên doanh giữa NYK Line và VOSA) chính thức đi vào hoạt động.
 - + Ngày 13/03/2007: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2007).

- + Ngày 30/06/2011: Công ty đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2011 thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.
- + Ngày 21/02/2012: Công ty đã tổ chức Lễ khai trương Kho chứa hàng Nông sản Bunge – Cái Lân và công bố Quyết định thành lập Trung tâm Logistics Cái Lân.
- + Ngày 13/03/2012: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2012).
- + Ngày 10/09/2013: VOSA và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd., ký Hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (YLTV). Công ty YLTV chính thức hoạt động từ 17/01/2014.
- + Ngày 31/03/2014: VOSA chuyển nhượng 50% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) cho đối tác Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.,
- + Ngày 01/10/2014: Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3 “đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.
- + Ngày 15/01/2015: Công ty được tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2014 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- + Ngày 31/03/2015: VOSA chuyển nhượng 49% vốn điều lệ tại Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) cho đối tác NYK Line Nhật Bản.
- + Ngày 22/12/2015, cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã niêm yết là VSA và giá chào sàn là 37.000 đồng/cổ phiếu.



Hình ảnh: Lễ khai trương giao dịch cổ phiếu VSA tại sàn giao dịch HNX ngày 22/12/2015.



Hình ảnh: Lễ khai trương giao dịch cổ phiếu VSA tại sàn giao dịch HNX ngày 22/12/2015.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics. Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan).

+ Vận tải đa phương thức quốc tế.

+ Kinh doanh kho bãi.

- Địa bàn kinh doanh:

+ Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cà Mau, trong đó địa bàn kinh doanh chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

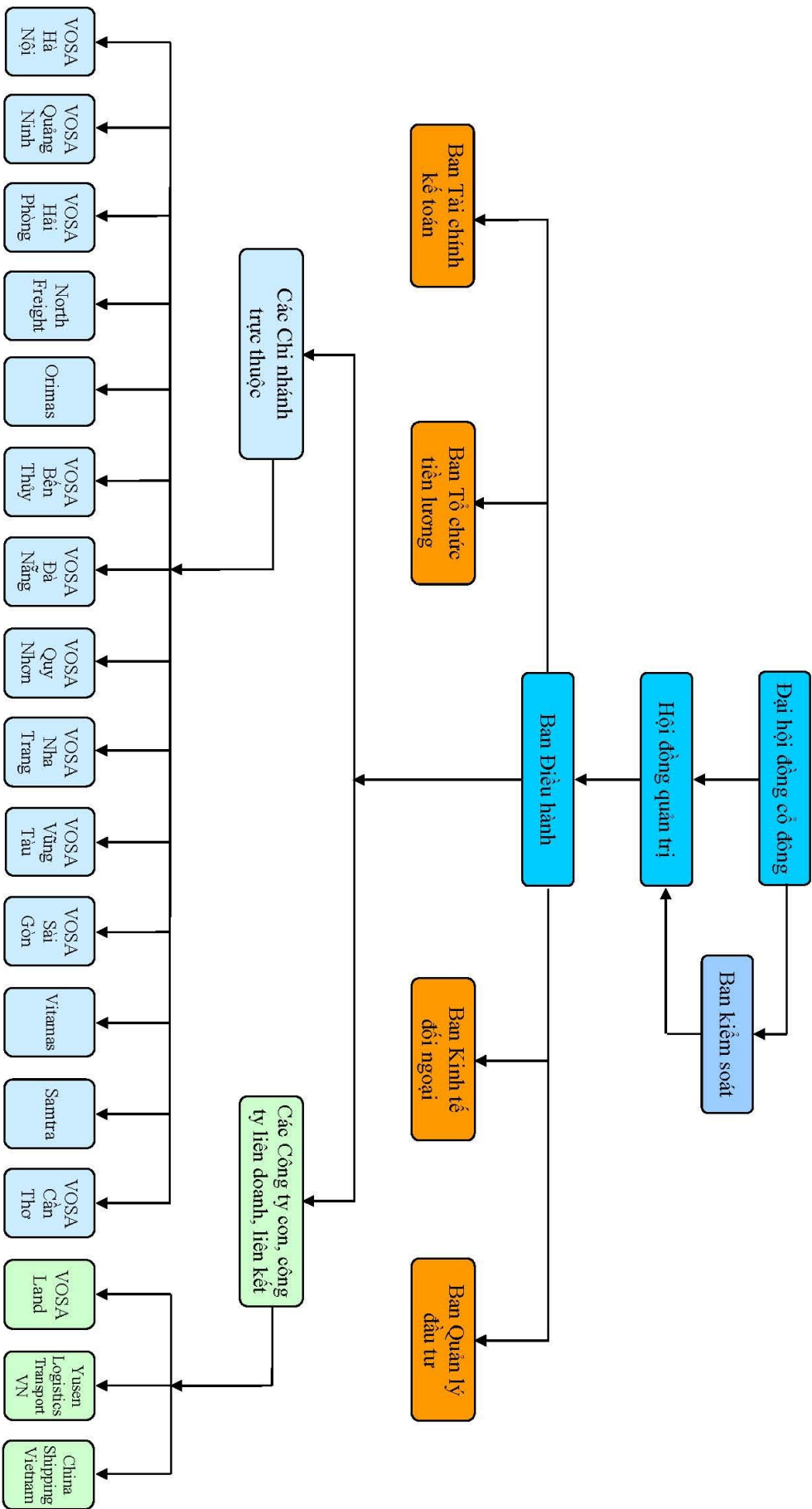
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các Ban chuyên môn nghiệp vụ, các Chi nhánh trực thuộc, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 19/06/2015.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA LAND)	7 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Công ty con	Kinh doanh bất động sản. Xây dựng nhà các loại	51.500.000.000	51,5
2	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51
3	Công ty TNHH China Shipping (Việt Nam)	Toà nhà Bitexco Phòng 1802, tầng 18, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý tàu biển và đại lý vận tải bằng đường biển	200.000 USD	40

- Các Công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	4.000 USD	01
2	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
3	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
4	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
5	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Xây dựng Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển nhanh và bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ logistics đại lý vận tải, kho bãi và giao nhận; vận tải đa phương thức; khai thác cảng và thương mại xuất nhập khẩu.

+ Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, quản trị tốt nhất các nguồn lực, thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu v.v... để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

+ Mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.

+ Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan; Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh chuỗi dịch vụ logistics như đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ hậu cần trọn gói cho khách hàng; tiếp tục đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế. Liên doanh, liên kết để khai thác tiềm năng nhà đất sẵn có của Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

5. Các rủi ro:

Hoạt động trong lĩnh vực chính là dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung ứng, kiểm đếm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm v.v.), dịch vụ logistics (đại lý vận tải, kho bãi và các dịch vụ liên quan) và thương mại xuất nhập khẩu tiểu ngạch, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) phụ thuộc rất lớn vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế (GDP) nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Bên cạnh đó, những biến động vĩ mô như lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... cũng tác động gián tiếp lên hoạt động kinh doanh của Công ty như mọi ngành nghề kinh doanh khác.

5.1. Rủi ro về kinh tế:

5.1.1. Rủi ro về tăng trưởng kinh tế:

** Tăng trưởng kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2015 đạt mức cao, khoảng 6,68%, lạm phát thấp. Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ logistics (đại lý vận tải và các dịch vụ liên quan), tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế nói chung và nhu cầu xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng là nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả năm 2015 cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.

5.1.2. Lãi suất:

- Với hệ số nợ trên tổng tài sản là 0,512, lãi suất ngân hàng cũng có những rủi ro nhất định đối với Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Tuy nhiên rủi ro này không quá lớn vì lượng vay nợ dài hạn chỉ chiếm 4,4% tổng nợ của Công ty. Bên cạnh đó, do điều kiện thị trường thuận lợi và chính sách duy trì lãi suất thấp để ổn định hoạt động sản xuất, hồi phục kinh tế của nhà nước, lãi suất tiếp tục được kỳ vọng không có sự thay đổi lớn trong ngắn hạn.

5.1.3. Tỷ giá hối đoái:

- Đối với VOSA - doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác và cung cấp dịch vụ hàng hải/ logistics cho các đối tác nước ngoài liên quan đến thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái cũng là một rủi ro thường trực. Tuy nhiên, Công ty không những không có khoản vay nợ ngoại tệ dài hạn giá trị lớn, mà còn có hệ số nợ trên tổng tài sản thấp 0,51 – đây cũng là một lợi thế so với các doanh nghiệp cùng ngành.

5.2. Rủi ro về luật pháp:

- Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh đến hoạt động của Công ty, những thay đổi trong quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi chính sách của Nhà nước, như: tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; chính sách xuất nhập khẩu tiêu ngạch với Trung Quốc thay đổi, làm tăng chi phí doanh nghiệp, gây ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty đặt ra. Bên cạnh đó, ngành vận tải biển còn chịu ảnh hưởng từ những chính sách của Nhà nước cũng như định hướng phát triển của ngành hàng hải.

- Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên và cổ đông của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù:

5.3.1. Rủi ro giá nguyên liệu, sử dụng nhà, đất:

- Do kinh doanh trong ngành nghề liên quan mật thiết tới ngành vận tải nói chung, nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá nguyên liệu. Việc giá xăng dầu gần đây giảm mạnh và được dự báo tiếp tục xu hướng này trong ngắn hạn góp phần giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

- Tuy nhiên, do Công ty có thuê nhiều đất đai, nhà cửa để sử dụng làm kho bãi, trụ sở, mà trong những năm gần đây giá thuê nhà, đất liên tục tăng cao, nên chi phí của doanh nghiệp bị tăng theo, lợi nhuận cũng bị giảm sút.

5.3.2. Rủi ro cạnh tranh:

- Đối với ngành vận tải, các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như đã được thực thi đầy đủ từ năm 2014, nên hiện nay các công ty dịch vụ vận tải lớn của nước ngoài có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty cùng lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt.

5.4. Rủi ro khác:

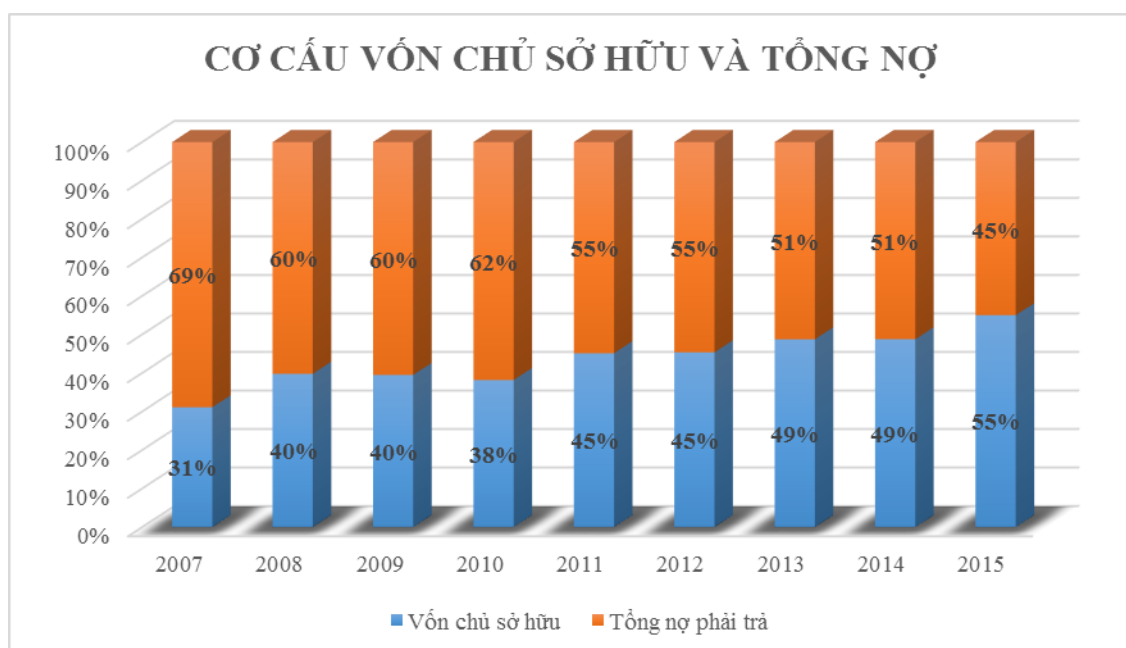
- Các rủi ro mang tính hệ thống khác như, chiến tranh, thiên tai, dịch họa, môi trường, những biến động chính trị xã hội trên thế giới... là những rủi ro tuy hiếm nhưng có thể xảy ra. Do vậy, nếu có, những rủi ro này ít nhiều sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người, thị trường kinh doanh của Công ty; qua đó, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty đã tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn.

Thông tin tài chính cơ bản (Hợp nhất đã kiểm toán)

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Tăng trưởng (*)	CAGR (**)
Tổng doanh thu	428,585	474,726	526,392	568,609	691,702	610,090	804,350	843,121	863,667	1.64	9%
Lợi nhuận trước thuế	47,109	36,296	39,046	47,844	45,300	46,735	42,127	61,046	59,440	1.52	3%
Lợi nhuận sau thuế	39,326	32,922	30,152	34,247	35,849	38,742	35,399	51,038	49,228	1.63	3%
Tổng tài sản	538,323	473,374	452,558	512,622	461,358	483,674	486,318	647,875	613,558	1.36	2%
Vốn chủ sở hữu	167,578	188,539	178,839	195,769	208,335	219,530	237,154	316,051	337,608	1.89	9%
Tổng nợ phải trả	370,745	284,835	273,719	316,853	253,023	264,144	249,164	331,824	275,950	1.01	-4%

(*) Tăng trưởng năm 2015 so với năm 2007 (số lần)

(**) Tăng trưởng bình quân hàng năm 2007 – 2015



II. Tình hình hoạt động trong năm 2015:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2015, nền kinh tế toàn cầu tuy đã có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm hơn dự báo và chưa có dấu hiệu khởi sắc, ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải cũng không ngoại lệ. Trong nước, ngành hàng hải và dịch vụ logistics tiếp tục mở cửa theo lộ trình cam kết WTO. Do sức cạnh tranh yếu của các doanh nghiệp dịch vụ logistics và các hãng tàu Việt Nam nên các công ty logistics và các hãng tàu lớn của nước ngoài nắm giữ thị phần chi phối, nên khi phát sinh thua lỗ do giá cước thấp và giá nhiên liệu tăng cao thì tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp Việt Nam làm dịch vụ liên quan.

- Kết quả SXKD năm 2015 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2014	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2014
Doanh thu	850.000	863.667	843.121	102 %	102 %
Tổng LNTT	56.500	59.440	61.046	105 %	97 %

1.1. Về lĩnh vực đại lý tàu truyền thống:

- Sản lượng tàu: 2.358 tàu (trong đó 1.830 tàu hàng rời các loại và 528 tàu container) – tăng 16% so với năm 2014;

- Doanh thu: 54.208.713.071 đồng – tăng 12,4% so với năm 2014;

Đây là lĩnh vực cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt sau khi các doanh nghiệp nước ngoài được làm dịch vụ đại lý tàu thì các doanh nghiệp trong nước bị ảnh hưởng nặng nề.

Tuy nhiên, nhờ sự năng động và tận tình trong dịch vụ đối với khách hàng cùng với những chính sách phù hợp đối với từng khách hàng, công ty vẫn giữ được các khách hàng truyền thống, đồng thời tìm thêm được một số thân chủ mới, được khách hàng tin tưởng.

Nhìn chung, các chi nhánh của VOSA có hoạt động đại lý tàu đều có mức tăng trưởng trong năm 2015, trong đó:

+ Vitamas là chi nhánh dẫn đầu về sản lượng tàu phục vụ với tổng số 504 lượt tàu trong năm 2015. Tuy đứng thứ hai về số tàu phục vụ (265 lượt tàu) nhưng VOSA Quảng Ninh là chi nhánh có mức tăng trưởng mạnh nhất về doanh thu đại lý tàu.

+ VOSA Bến Thủy là chi nhánh có mức tăng trưởng rất cao cả về số lượng tàu phục vụ và doanh thu từ đại lý tàu khi tình hình hàng hóa xuất nhập qua khu vực tăng trưởng mạnh, đặc biệt sau khi nhà máy Gang thép Hưng Nghiệp (tập đoàn Formosa) bắt đầu nhập vật tư, thiết bị, nguyên liệu cho việc sản xuất vào năm 2016.



1.2. Về dịch vụ đại lý liner:

- Sản lượng phục vụ: 200.441 Teus, trong đó 90.009 Teus hàng xuất – tăng 213% so với năm 2014 và 110.432 Teus hàng nhập – tăng 225% so với năm 2014;

- Doanh thu: 27.169.380.135 đồng – bằng 86% so với năm 2014.

Trong năm qua, hãng tàu Namsung Shipping đã tăng cường các tuyến khai thác nên sản lượng tăng cao tại Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh nhưng do tuyến khai thác ngắn, giá cước vận chuyển thấp nên mặc dù sản lượng tăng cao nhưng chỉ có doanh thu từ dịch vụ đại lý liner tăng trưởng không cao.

Việc làm đại lý liner cho hãng tàu Sinotrans gặp rất nhiều khó khăn vì một số lý do khách quan, có nhiều hãng tàu lớn cùng cạnh tranh, nên sản lượng giảm, kéo theo doanh thu cũng giảm sút khoảng 35% so với năm trước.

Các bộ phận dịch vụ đại lý liner đều hết sức nỗ lực đạt chỉ tiêu của các hãng tàu giao và được các hãng tàu đánh giá cao. VOSA xác định cần phải phải tăng cường công tác tìm kiếm hàng và bổ sung thêm nhân sự cho bộ phận sale.



1.3. Về dịch vụ đại lý vận tải:

- Doanh thu: 521.524.189.511 đồng, xấp xỉ doanh thu năm 2014, chiếm 60% tổng doanh thu.

Kinh doanh đại lý vận tải gặp rất nhiều khó khăn khi hầu hết các chi nhánh của VOSA đều không có phương tiện vận tải, hoàn toàn phụ thuộc vào phương tiện thuê ngoài nên khó chủ động về giá cả, thu xếp phương tiện ... đối với khách hàng nên thường xuyên bị động trong các dịch vụ đại lý vận tải.

Mặt khác, một số khách hàng lớn của công ty đã tự tổ chức vận tải bằng cách lập ra các công ty vận tải hoặc sử dụng các công ty vệ tinh của mình, chấm dứt dịch vụ với VOSA.

Trong năm qua, công ty tiếp tục thực hiện các dự án từ những năm trước, tăng cường tiếp thị những dự án mới.

Các chi nhánh dẫn đầu về đại lý vận tải như Northern Freight, VOSA Quảng Ninh, VOSA Hải Phòng, VOSA Sài Gòn giữ ổn định về doanh thu đại lý vận tải nhưng lợi nhuận thu được giảm sút dù giá xăng dầu giảm nhưng giá vận tải không giảm khi lệ phí tăng cao, sức ép giảm giá từ khách hàng ...



1.4. Về dịch vụ kiểm đếm hàng hóa:

- Doanh thu: 20.809.433.879 đồng – tăng 6,7% so với năm 2014.

Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa ngày càng gặp khó khăn khi các cảng đã cung cấp dịch vụ kiểm đếm miễn phí cho các hãng tàu. Tuy nhiên, công ty vẫn tiếp tục tăng cường chất lượng dịch vụ, giữ những khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng nên cùng với sản lượng đại lý tàu của công ty tăng lên, dịch vụ kiểm đếm cũng có mức tăng nhẹ so với năm trước.



1.5. Về dịch vụ kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan:

- Doanh thu: 119.661.503.982 đồng – tăng 48,6% so với năm 2014.

Năm 2015, các thân chủ lớn sử dụng dịch vụ kho bãi của VOSA gặp nhiều khó khăn hoặc thay đổi chính sách kinh doanh nên lượng hàng hóa qua kho – bãi giảm mạnh.

Tại khu vực Cái Lân, lượng hàng qua kho nông sản của Bunge giảm do khách hàng khuyến khích chủ hàng nhận hàng thẳng từ tàu, khách hàng Daio cũng giảm diện tích bãi thuê. Tuy nhiên, nhu cầu thuê kho của các khách hàng khác vẫn cao nên sau khi nhà kho tổng hợp 1C đưa vào khai thác đã mang lại hiệu quả cao, giảm chi phí thuê kho bên ngoài.

Tại khu vực Hải Phòng, hãng tàu NYK đã chuyển toàn bộ container rỗng và có hàng từ kho bãi của Northern Freight về trung tâm logistics của Yusen Logistics nên sản lượng hàng tại kho bãi Northern Freight giảm 40% so với năm 2014.



1.6. Về dịch vụ xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất:

- Doanh thu: 23.332.720.829 – xấp xỉ doanh thu năm 2014.

Do những thay đổi trong chính sách quản lý của nhà nước đối với dịch vụ này nên dịch vụ của công ty gặp nhiều khó khăn, có thời điểm phải tạm dừng hoạt động nhưng do công ty có các giải pháp linh hoạt và kịp thời nên vẫn duy trì kết quả chung ổn định so với năm trước.

1.7. Về dịch vụ cung cấp cho tàu:

- Doanh thu: 64.591.577.863 đồng – tăng 5,2% so với năm 2014.

Hoạt động cung ứng dịch vụ cho tàu tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, dẫn đến sự sụt giảm về dịch vụ này tại các chi nhánh như VOSA Quảng Ninh, VOSA Hải Phòng, VOSA Sài Gòn. Các chi nhánh miền Trung, đặc biệt là VOSA Bến Thủy và VOSA Nha Trang có sự tăng trưởng mạnh mẽ về cung cấp dịch vụ cho tàu do lượng tàu phục vụ tăng lên.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và Giám đốc Tài chính:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Số CMND Ngày cấp Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	16/06/2014	024257713 19/06/2012 TP. HCM	42 Lô M, KDC Phú Mỹ, Tổ 5, KP 1, P. Phú Mỹ, Q. 7, TP. HCM	2.300	0.02
2	Hoàng Hoa Phòng	01/01/1958	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2013	030740517 07/01/2014 Hải Phòng	5A Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng	2.600	0.02
3	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD, Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2013	100595080 12/03/2007 Quảng Ninh	Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	900	0.01
4	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	06/08/2012	024280581 17/06/2004 TP. HCM	369/11 Nguyễn Thái Bình, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM	1.200	0.01
5	Phan Văn Khánh	04/02/1956	Giám đốc Tài chính kiêm Trưởng ban TCKT	Cử nhân Tài chính kế toán	24/09/2015	020077666 25/07/2009 TP. HCM	17U KDC Miếu Nổi, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	2.400	0.02

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và ban hành thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế tiền lương, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao

năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của công ty.

+ Xây dựng quy hoạch về cán bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho toàn công ty và từng chi nhánh từ nay cho đến năm 2020. Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

+ Tăng cường tiết kiệm và giảm chi phí trong công tác. Tiếp tục thực hiện tiết kiệm từ 3-7% chi phí quản lý, rà soát, tiết giảm các chi phí không hợp lý hoặc không thật sự cần thiết trong kinh doanh và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh chung toàn Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Đầu tư sản xuất kinh doanh:

*** Dự án nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C:**

- Dự án nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C với quy mô xây dựng 151m x 26,7m = 4.031,7m². Dự án đã hoàn thành tháng 07/2015 và đưa vào khai thác từ tháng 08/2015. Ban Điều hành đang hoàn thiện Hồ sơ để thực hiện quyết toán giá trị XD/CB của dự án.

3.2. Các dự án khác:

*** Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA – Số 1 Bến Vân Đồn:**

- VOSA đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 05/2015. Công ty đã thực hiện thủ tục chuyển tên sở hữu Quyền sử dụng đất từ Công ty cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam sang Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng Hải Việt Nam theo thỏa thuận góp vốn.

*** Dự án văn phòng Vitamas số 44-46, Nguyễn Tất Thành, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh:**

- Dự án đã có giấy phép xây dựng 07 tầng. Dự án đầu tư đã được phê duyệt với giá trị 26.790.521.000 đồng, hiện nay dự án hoàn thành thiết kế kỹ thuật thi công và đang thực hiện thẩm tra thiết kế dự toán lần 2. Tuy nhiên ngày 30/11/2015 UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 6331/QĐ-UBND về việc duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Tiểu khu cảng Quận 4, phường 12, 13, 18 Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó có quy hoạch lại lộ giới đường Nguyễn Tất Thành từ 30m lên 40m có ảnh hưởng trực tiếp đến diện tích và quy mô của Dự án. Vì vậy, Công ty phải dừng Dự án xây mới và đang lên phương án sửa chữa phù hợp để sớm đưa văn phòng vào sử dụng, hạn chế việc thuê trụ sở của VITAMAS như hiện nay.

*** Dự án sửa chữa văn phòng VOSA Quảng Ninh (Queen Hotel):**

- Dự án chuyển đổi công năng sử dụng từ tòa nhà hỗn hợp văn phòng và khách sạn trước đây của VOSA Quảng Ninh sang kinh doanh khách sạn - hỗ trợ một phần diện tích cho Trung tâm du lịch lữ hành của VOSA Quảng Ninh. Tổng diện tích cải tạo 866m² bao gồm 1 trệt và 6 tầng lầu với tổng kinh phí đã phê duyệt 2.187.190.000 đồng. Dự án đã hoàn thành việc sửa chữa và đưa vào kinh doanh từ tháng 11/2014, hoàn thành quyết toán tháng 06/2015.

*** Dự án Văn phòng VOSA Nha Trang:**

- Công ty đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật cho Dự án Văn phòng cho chi nhánh Nha Trang với quy mô 1 trệt, 2 lầu, tổng kinh phí dự kiến 2.000.000.000 đồng.

- Dự kiến khởi công trong năm 2016.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

3.3.1 - Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam:

- Theo cam kết, VOSA đã chuyển nhượng 50% vốn góp của VOSA trong liên doanh này cho đối tác là Yusen Logistics Singapore kể từ ngày 31/03/2014. Lợi nhuận giữ lại tính đến 31/03/2014 còn chia cho VOSA là 108.908.051.413 đồng, được thực hiện phân kỳ trong 07 năm, từ năm 2014 đến 2020, mỗi năm VOSA nhận được 15.558.293.059 đồng.

- Hiện nay, VOSA chỉ góp 1% (4.000 USD) vốn điều lệ trong liên doanh và VOSA chỉ nhận một khoản lợi nhuận cố định (5.000USD/năm) cho đến khi hợp đồng liên doanh hết thời hạn.

3.3.2 - Công ty NYK Line Việt Nam:

- Là công ty liên doanh giữa VOSA và NYK Line, được thành lập từ tháng 10/2006 với thời hạn là 10 năm.

- Từ ngày 01/04/2015, VOSA đã chuyển nhượng toàn bộ 49% số vốn góp tại công ty liên doanh này cho phía đối tác NYK Line Nhật Bản. Lợi nhuận hợp nhất thu về từ việc thoái vốn đã được ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2015.

3.3.3 - Công ty TNHH China Shipping Việt Nam:

Là công ty liên doanh giữa VOSA và hãng tàu China Shipping Group, được thành lập từ năm 2004. Hiện nay, tỷ lệ vốn góp của VOSA trong công ty này là 40%.

Kết quả kinh doanh năm 2015:

+ Doanh thu: 70.558.747.679 đồng.

+ Lãi sau thuế: 10.904.905.263 đồng.

3.3.4 - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)-YLTV:

Liên doanh được thành lập từ ngày 01/04/2014, VOSA đã góp đủ 51% vốn liên doanh (51.000USD). Công ty có năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/03/2016, đến thời điểm lập Báo cáo thường niên, Công ty này đang trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính về kết quả kinh doanh năm 2015, nên chưa có Kết quả kinh doanh năm tài chính 2015.

- Kết quả kinh doanh năm tài chính 2014 từ ngày 01/04/2014 - 31/03/2015 như sau:

+ Doanh thu: 369.604.505.445 đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế: 1.233.121.641 đồng.

3.3.5 - Công ty Cổ phần Bất Động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSALAND):

- Tính đến 31/12/2015, VOSA đã thực hiện góp đủ 51,5 tỷ đồng vốn cổ phần và chiếm 51,5% vốn điều lệ VOSALAND

- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà các loại.

- Kết quả kinh doanh năm 2015 như sau:

+ Doanh thu: 229.090.908 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: (771.716.551) đồng.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	613.558.930.092	647.875.507.714	(5,30%)
Doanh thu thuần	863.667.826.545	843.121.917.651	2,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.089.159.861	49.843.126.788	12,5%
Lợi nhuận khác	3.351.021.290	11.203.749.652	(70,1%)
Lợi nhuận trước thuế	59.440.181.151	61.046.876.440	(2,6%)
Lợi nhuận sau thuế	49.228.154.751	51.038.725.577	(3,5%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	17 %	(11,8%)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,442	1,251	<i>Hàng tồn kho hầu như không có</i>
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,442	1,251	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,450	0,512	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,817	1,050	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	259.785	75.009	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,408	1,301	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,057	0,061	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,146	0,161	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,080	0,079	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,065	0,059	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2015):

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 11.650.000 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp).

+ Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 10.869.862 cổ phần.

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 780.138 cổ phần (đây là số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của các thành viên HĐQT, BDH, BKS).

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (06 cổ đông)	6.769.965	58,12
2	Cổ đông cá nhân (838 cổ đông)	4.880.035	41,88
	Cộng 1 + 2	11.650.000	100,00
3	Cổ đông lớn (02 cổ đông)	6.714.438	57,63
4	Cổ đông nhỏ (842 cổ đông)	4.935.562	42,37
	Cộng 3 + 4	11.650.000	100,00
5	Cổ đông trong nước (839 cổ đông)	11.320.300	97,17
6	Cổ đông nước ngoài (05 cổ đông)	329.700	2,83
	Cộng 5 + 6	11.650.000	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	5.947.800	51,05
8	Cổ đông khác	5.702.200	48,95
	Cộng 7 + 8	11.650.000	100,00
	844 cổ đông tổ chức và cá nhân	11.650.000	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:



6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nên sử dụng rất ít nguyên, nhiên vật liệu, chủ yếu sử dụng cho đội xe vận tải; năng lượng điện, nước chủ yếu chỉ sử dụng cho các kho bãi và các văn phòng làm việc.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường, nhất là các quy định về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh kho bãi, đội xe vận tải ...

- Hàng năm, Công ty đều có các quy định, yêu cầu các chi nhánh và toàn thể CBCVN thực hành tiết kiệm, trong đó có tiết kiệm điện , nước và bảo vệ môi trường nơi làm việc.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 689 người.

- Cơ cấu phân bổ lao động:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo đối tượng lao động			100,0
1	Lao động trực tiếp	Người	419	60,8
2	Lao động gián tiếp	Người	203	29,5
3	Lao động phục vụ	Người	67	9,7
II	Phân theo trình độ lao động			100,0
1	Đại học và sau đại học		415	60,2
2	Cao đẳng và Trung cấp		64	9,3
3	Khác		210	30,5

+ Thu nhập bình quân năm 2015: 12.500.948 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động tập thể. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại Công ty được quan tâm thích đáng; Phong trào thi đua lao động giỏi, vận động người lao động có các cải tiến, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh được người lao động hưởng ứng tích cực.

+ Công ty đã thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Công ty thường xuyên thông báo, cử cán bộ tham gia các lớp học chuyên môn nghiệp vụ như các lớp học về: quản trị công ty, logistics, cập nhật các kiến thức, thông tin mới về thuế, BHXH, luật Lao động ... và ngoại ngữ do các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

- Công ty tiếp tục có nhiều hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

- Công ty và toàn thể CBCNV tích cực tham gia đóng góp Quỹ ủng hộ CBCNV nghèo của Bộ GTVT, và Tổng công ty Hàng hải và địa phương phát động; Đóng góp xây dựng Trường Sa...

- Công ty tiếp tục nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng tại Bến Tre, Quảng Nam v.v.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trước những khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2015 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2015 như sau:

+ Doanh thu: 850.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 56.500.000.000 đồng.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được kiểm toán :

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	850.000	863.667	102 %
2	Lợi nhuận trước thuế	56.500	59.440	105 %

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của công ty có mức tăng trưởng ổn định kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động cho tới nay nhưng trước những nhận định, đánh giá về nền kinh tế của năm 2015 và dự tính cho hoạt động của công ty trong năm 2015 nên Ban điều hành đã đặt kế hoạch cho năm 2015 chỉ xấp xỉ bằng kết quả thực hiện năm 2014.

- Trên thực tế doanh thu thực hiện tăng so với kế hoạch do Công ty đã mở rộng SXKD chủ yếu trong lĩnh vực logistic.

- Doanh thu có tăng so với năm trước nhưng lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh chính không tăng do chi phí đầu vào ngày một tăng, tuy nhiên giá dịch vụ cung cấp của một số khách hàng lớn phải giảm.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

+ Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng.

+ Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

+ Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.

+ Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

+ Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1) Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	72.737.511.172	38.015.819	43.590.799.304	4.947.816.041	121.314.142.336
Tăng trong năm	2.971.308.501		586.554.545	149.860.455	3.707.723.501
Chuyển từ XDCĐ dở dang	11.172.486.487				11.172.486.487
Thanh lý			(722.017.091)	(42.000.000)	(764.017.091)
Số cuối năm	86.881.306.160	38.015.819	43.455.336.758	5.055.676.496	135.430.335.233
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	36.948.524.663	38.015.819	26.731.037.097	3.753.229.107	67.470.806.686
Khấu hao trong năm	3.373.839.641		4.010.068.067	482.712.524	7.866.620.232
Thanh lý			(722.017.091)	(42.000.000)	(764.017.091)
Số cuối năm	40.322.364.304	38.015.819	30.019.088.073	4.193.941.631	74.573.409.827
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.788.986.509		16.859.762.207	1.194.586.934	53.843.335.650
Số cuối năm	46.558.941.856		13.436.248.685	861.734.865	60.856.925.406

a.2) Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
Tăng trong năm			
Số cuối năm	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	688.087.149	1.674.432.758	2.362.519.907
Khấu hao trong năm	225.218.414	31.014.650	256.233.064
Số cuối năm	913.305.563	1.705.447.408	2.618.752.971
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.658.568.379	310.146.542	19.968.714.921
Số cuối năm	19.433.349.965	279.131.892	19.712.481.857

a.3) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	75.784.877.239	10.921.285.966	(11.172.486.487)		75.533.676.718
Cộng	75.784.877.239	10.921.285.966	(11.172.486.487)		75.533.676.718

a.4) Tăng, giảm bất động sản đầu tư: các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá	
Số đầu năm	79.412.091.656
Thanh lý	(3.298.174.000)
Giảm khác	(1.529.813.300)
Số cuối năm	74.584.104.356
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	23.787.543.915
Khấu hao trong năm	4.293.662.660
Thanh lý	(3.298.174.000)
Số cuối năm	24.783.032.575
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	55.624.547.741
Số cuối năm	49.801.071.781

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
D.thu/ Tổng tài sản BQ	1,37	1,49
D.thu/ Tài sản dài hạn BQ	3,53	3,68
DT/Ng.giá TSCĐ BQ	5,73	6,38
LNST/ Tổng tài sản BQ	0,08	0,09
LNST/ Tài sản dài hạn BQ	0,20	0,22
LNST /Ng.giá TSCĐ BQ	0,33	0,39

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	8.445.290.746	2.901.364.794
Trích lập dự phòng bổ sung	925.471.161	5.543.925.952
Hoàn nhập dự phòng	308.490.514	
Điều chỉnh khác	21.653.831	
Số cuối năm dự phòng phải thu	9.040.617.562	8.445.290.746
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	1,56%	9,08%
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	7,99%	7,81%

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại: Công ty có nợ vay của một cá nhân 05 tỷ đồng để thế chân trong ngân hàng phục vụ việc làm hàng tạm nhập tái xuất. Khoản nợ vay người lao động trong năm 2015 đã được trả hết.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
Nợ phải trả, trong đó:	275.950.189.687	331.824.848.111
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>261.002.499.537</i>	<i>316.854.877.961</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>14.947.690.150</i>	<i>14.969.970.150</i>
Vốn chủ sở hữu	337.608.740.405	316.050.659.603
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	1,442	1,251
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,442	1,251
Hệ số Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	0,82	1,05
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,04

- Công ty không có nợ phải trả không thể thanh toán.

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	10.167.941.543	3.253.809.594
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>9.535.997.567</i>	<i>3.253.809.594</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>631.943.976</i>	

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	3.741.140.030	4.372.573.110
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.741.140.030	558.385.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		3.814.187.266
(A) – (B)	6.426.801.513	(1.118.763.516)
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	10,81%	(1,83%)

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Chi phí lãi vay	0	0
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0	0

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Về quản trị công ty:

_ Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

_ Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của công ty nên công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tốt và có nhiệt huyết với công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.

_ Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trọng yếu trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ, chuẩn bị cho việc niêm yết cổ phiếu của công ty trên sàn giao dịch chứng khoán.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Xây dựng VOSA thành một công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển truyền thống, đại lý vận tải và logistics, thương mại xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics: tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức.

- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.

- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

4.1. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2016:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	KH 2016	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	116.500.000.000	116.500.000.000	
2	Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh	863.667.826.545	800.000.000.000	92,6
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	59.440.181.151	50.000.000.000	84,1
4	Lợi nhuận sau thuế	49.228.154.751	40.000.000.000	81,3
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.782	3.056	
6	Cổ tức (%)	15%	12%	

4.2. Kế hoạch đầu tư năm 2016:

4.2.1 - Các dự án xây dựng đang thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2016:

a) Dự án văn phòng VITAMAS:

- Do ảnh hưởng quy hoạch lại lộ giới đường Nguyễn Tất Thành từ 30m lên 40m Công ty phải dừng Dự án xây mới và đang lên phương án sửa chữa phù hợp để sớm đưa văn phòng vào sử dụng, hạn chế việc thuê trụ sở của VITAMAS như hiện nay.

b) Dự án Văn phòng VOSA Nha Trang:

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật cho Dự án Văn phòng cho chi nhánh Nha Trang dự kiến hoàn thành tháng 5/2016. Tổ chức đấu thầu và khởi công trong tháng 7/2016 hoàn thành tháng 12/2016.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đã báo cáo đánh giá tại điểm 6, Phần II - Tình hình hoạt động trong năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2015 là năm Công ty có nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics ngày càng khốc liệt; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định, nhất là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và phát triển được các dịch vụ, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, hiệu quả cao. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt đồng 3.782/cổ phần.

- Đặc biệt, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra: Đưa cổ phiếu Công ty niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/12/2015. Đây là bước tiến trong công tác quản trị và phát triển công ty.

- Công tác quản lý tài chính tương đối chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình;
- Công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung. Ban điều hành đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên trong Ban điều hành nên việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành cũng như đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý. Ban điều hành đã ban hành các quyết định để thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.

- Ban Điều hành đã chỉ đạo các phòng ban, chi nhánh chủ động trong công việc, áp dụng các biện pháp hiệu quả để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí v.v.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong năm 2014.

3. Các Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Năm 2016, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã có sự phục hồi, tuy vậy còn nhiều khó khăn, thách thức dự báo vẫn còn đang ở phía trước.

- Hội đồng quản trị Công ty đã họp Ban điều hành và các cán bộ quản lý, đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng, kế hoạch, nhiệm vụ tổng quát cho năm 2016 như sau:

+ Tiếp tục phát huy lợi thế kinh doanh của VOSA, tăng cường công tác tiếp thị với các chủ tàu, chủ hàng, các công ty đại lý vận tải và cung cấp dịch vụ logistics trong và ngoài nước duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thống đã có thương hiệu trong và ngoài nước như: đại lý tàu, đại lý vận tải, dịch vụ liner, phát triển chuỗi dịch vụ logistics trong đại lý vận tải, giao nhận, phân phối, thương mại xuất nhập khẩu v.v. trên cơ sở chiến lược chung và định hướng của Tổng Công ty, phát huy lợi thế kinh doanh của từng chi nhánh cũng như phát huy triệt để mạng lưới hoạt động dịch vụ.

+ Phần đầu giữ vững mục tiêu tăng trưởng cả về loại hình dịch vụ, doanh thu và lợi nhuận; có điều chỉnh kịp thời khi có biến động ở thị trường dịch vụ hàng hải và logistics quốc tế và trong nước; bảo toàn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2016.

+ Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng phát triển có chiều sâu với hiệu quả cao nhất: Nghiên cứu các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, đầu tư mua sắm phương tiện và trang thiết bị hiện đại v.v... để nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ cho việc phát triển chuỗi dịch vụ logistics; tìm kiếm, mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh với các đối tác nước ngoài để sử

dụng tối ưu hệ thống cơ sở vật chất, kho bãi sẵn có; đầu tư mới theo yêu cầu của đối tác nếu mang lại hiệu quả nhanh.

+ Thực hành tiết kiệm, hạn chế mua sắm thiết bị, vật dụng không cần thiết v.v. Tiếp tục phấn đấu cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý từ 3 - 7%.

+ Kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty đối với chi nhánh.

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một chiến lược quan trọng và lâu dài vì vậy Công ty tiếp tục có cơ chế tuyển dụng, quy hoạch và bổ nhiệm những người có bản lĩnh vững vàng, có năng lực đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hoá cán bộ. Tiếp tục hoàn thiện Quy chế trả lương và hệ thống thang, bảng lương mới cho phù hợp với mục tiêu trên để phát triển nguồn nhân lực cho toàn doanh nghiệp, đảm bảo đời sống của người lao động

+ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính ban hành; Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo đúng tinh thần công khai, minh bạch, đáp ứng các quy định của nhà nước đối với công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình; Thực hiện công bố thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT/HĐTV tại các Công ty khác
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	3
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	3
3	Hoàng Hoa Phòng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	1
4	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
5	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
6	Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	6,58	Thành viên không điều hành	1
7	Nguyễn Hoài An	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0

b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ/HĐQT- NK3	13/01/2015	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình ước thực hiện SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015.</p> <p>2. Giao cho BDH thực hiện công tác kiểm tra nội bộ hoặc thuê công ty kiểm toán độc lập kiểm tra và báo cáo HĐQT bằng văn bản vào cuộc họp sau về những tồn tại trong công tác điều hành và quản lý TCKT tại Chi nhánh VOSA Sài Gòn.</p> <p>3. Giao Tổng Giám đốc tổ chức việc thực hiện lập thiết kế, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án tòa nhà văn phòng Vitamas theo quy định của pháp luật, trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.</p> <p>4. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai.</p> <p>5. Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp công trình kho chứa hàng tổng hợp 1C.</p> <p>6. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 12/TT-TGD ngày 13/01/2015 của Chủ tịch HĐQT trình HĐQT v/v bán phần vốn góp của VOSA trong Công ty TNHH NYK Line Việt Nam cho NYK Line Nhật Bản. Giao cho BDH thuê công ty thẩm định giá trị phần vốn góp của VOSA tại Công ty TNHH NYK Line Việt Nam để có cơ sở xác định giá chuyển nhượng và đảm bảo về mặt pháp lý.</p> <p>7. Hội đồng quản trị nhất trí Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2014 của Chủ tịch HĐQT và BDH Công ty như Tờ trình số 08/TT-TGD ngày 08/01/2015 của Tổng Giám đốc trình HĐQT.</p>
2	01/2015/NQ/HĐQT- NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	25/03/2015	Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc chấm dứt hợp đồng liên doanh Công ty TNHH NYK Line Việt Nam trước thời hạn và bán lại phần vốn góp của VOSA theo giá đề nghị của NYK Line (Nhật Bản).
3	02/2015/NQ/HĐQT- NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	01/04/2015	Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc ban hành “Quy trình thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành” của Công ty.
4	03/2015/NQ/HĐQT- NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	01/04/2015	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc “Thành lập Hội đồng xét duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành” của Công ty với thành phần nhân sự như sau:</p> <p>1. Ông Vũ Xuân Trung - Tổng Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng. 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc - Phó chủ tịch Hội đồng. 3. Ông Phan Văn Khánh - Trưởng phòng TCKT - Ủy viên thường trực. 4. Ông Võ Trung Thắng - Phó phòng TCKT - Ủy viên. 5. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Trưởng phòng QLĐT - Ủy viên</p>
5	02/2015/NQ/HĐQT- NK3	15/04/2015	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện SXKD 03 tháng đầu năm 2015.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã và đang triển khai.</p> <p>2.1. Công trình Văn phòng Vitamas, số 44-46 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM: Giao cho Tổng Giám đốc tiếp tục làm việc với Công ty tư vấn thiết kế KHÔI để tính toán lại Thiết kế và Dự toán theo đúng tiêu chuẩn Văn phòng loại C; thuê Công ty Thẩm định độc lập để thẩm định Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Dự toán Công trình Nhà Văn phòng Vitamas, số 44-46 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. HCM.</p> <p>2.2. Về các dự án đầu tư khác: - Giao cho Tổng giám đốc nghiên cứu và báo cáo phương án, kế hoạch thoái vốn khỏi VOSALAND. - Giao cho Tổng Giám đốc nghiên cứu và báo cáo phương án mua Nhà và đất tại số 25 Điện Biên Phủ, TP. Hải Phòng. - Giao cho Tổng Giám đốc nghiên cứu và báo cáo phương án chuyển nhượng quyền thuê nhà Văn phòng VOSA Sài Gòn, số 5 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. HCM.</p> <p>3. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 117/TT-TGD ngày 13/04/2015 của Tổng Giám đốc trình HĐQT v/v phê duyệt kết quả SXKD năm 2014 cho Công ty, cụ thể như sau:</p>

			<p>* Kết quả kinh doanh Hợp nhất :</p> <p>a - Doanh thu : 843.121.917.651 đồng.</p> <p>b - Tổng lợi nhuận trước thuế : 56.994.453.996 đồng.</p> <p>* Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ :</p> <p>a - Doanh thu : 842.984.626.743 đồng.</p> <p>b - Tổng lợi nhuận trước thuế : 55.378.816.873 đồng.</p> <p>c - Chi phí tiền lương : 102.578.139.049 đồng.</p> <p>d - Nộp ngân sách : Theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p> <p>e - Quỹ lương dự phòng cho Công ty : 17.425.000.000 đồng.</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 120/TT-TGD ngày 13/04/2015 của Tổng Giám đốc trình HĐQT v/v kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.</p> <p>6. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Ban trong Văn phòng Công ty.</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc tiếp tục làm việc với Công ty tư vấn Macconsult để hoàn thiện Quy chế tiền lương và Quy định đánh giá thực hiện công việc theo kết luận của Chủ tịch HĐQT trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>7. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.</p> <p>8. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua kế hoạch niêm yết chứng khoán của Công ty lên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sàn Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) trong Quý 2 năm 2015.</p> <p>- Thông qua việc thuê Công ty CP Chứng khoán TP. HCM làm đơn vị tư vấn việc đăng ký lưu ký chứng khoán và làm thủ tục niêm yết lên Sàn Giao dịch chứng khoán.</p>															
6	04/2015/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	11/05/2015	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc “Phê duyệt lại Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2014 và Kết quả SXKD năm 2014 cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam” như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: 40px;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Giao chính thức 2014</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Tổng doanh thu từ hoạt động KD</td> <td>843.121.917.651</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Tổng Lợi nhuận trước thuế</td> <td>61.046.876.440</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Chi phí tiền lương</td> <td>102.578.139.049</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Quỹ lương dự phòng</td> <td>17.425.000.000</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Chỉ tiêu	Giao chính thức 2014	1	Tổng doanh thu từ hoạt động KD	843.121.917.651	2	Tổng Lợi nhuận trước thuế	61.046.876.440	3	Chi phí tiền lương	102.578.139.049	4	Quỹ lương dự phòng	17.425.000.000
STT	Chỉ tiêu	Giao chính thức 2014																
1	Tổng doanh thu từ hoạt động KD	843.121.917.651																
2	Tổng Lợi nhuận trước thuế	61.046.876.440																
3	Chi phí tiền lương	102.578.139.049																
4	Quỹ lương dự phòng	17.425.000.000																
7	03/2015/NQ/HĐQT-NK3	03/06/2015	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện SXKD 05 tháng đầu năm 2015.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã và đang triển khai.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 160/TT-HĐQT ngày 01/06/2015 của Tổng Giám đốc trình HĐQT v/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án: nhà kho chứa thức ăn chăn nuôi.</p> <p>4. Hội đồng quản trị thông qua các Tờ trình của Chủ tịch HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.</p> <p>5. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015, cụ thể như sau:</p> <p>- Thời gian: 08h00 ngày 19/06/2015.</p> <p>- Địa điểm: khách sạn Kim Đô, 133 Nguyễn Huệ, Q.1, TP.HCM.</p>															
8	05/2015/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	13/07/2015	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc “Nâng bậc lương cơ bản cho ông Phạm Mạnh Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam từ bậc 1/2 lên bậc 2/2 ngạch Chủ tịch HĐQT doanh nghiệp hạng 1, hệ số 7,30.</p>															
9	06/2015/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	22/07/2015	<p>Hội đồng quản trị nhất trí:</p> <p>- Chưa thông qua việc chuyển nhượng quyền thuê nhà đối với Văn phòng VOSA Sài Gòn - số 3, 5, 7 Nguyễn Huệ, Q. 1, TP. HCM.</p> <p>- Tổ chức họp HĐQT trong thời gian sớm nhất để HĐQT xem xét và quyết định vấn đề này.</p>															
10	07/2015/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	27/08/2015	<p>Hội đồng quản trị nhất trí:</p> <p>- Đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM gia hạn việc cấp hạn mức bảo lãnh cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.</p>															

11	04/2015/NQ/HĐQT-NK3	21/09/2015	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện SXKD 08 tháng đầu năm 2015.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã và đang triển khai.</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện và báo cáo HĐQT cụ thể về: + Dự án văn phòng Vitamas: làm việc với Công ty CP kiểm định xây dựng Sài Gòn để hoàn tất việc thẩm định dự án.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kế hoạch lưu ký và niêm yết chứng khoán lên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX):</p> <p>3.1. Hội đồng quản trị thông qua Dự thảo Bản cáo bạch Niêm yết lên sàn GDCK Hà Nội và Tờ trình số 273/TT-HĐQT ngày 16/09/2015 của Chủ tịch HĐQT Công ty trình HĐQT “v/v giá cổ phiếu tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại sàn giao dịch HNX” với giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu tiên là 36.000 đồng/cổ phần. Giao cho Tổ giúp việc niêm yết hoàn thiện Bản cáo bạch theo yêu cầu của HNX (nếu có).</p> <p>3.2. Hội đồng quản trị thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để hoàn tất thủ tục và hồ sơ cho việc niêm yết cổ phiếu của Công ty lên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).</p> <p>3.3. Hội đồng quản trị thông qua việc ban hành Quy trình công bố thông tin Công ty để hoàn tất thủ tục và hồ sơ cho việc niêm yết cổ phiếu của Công ty lên HNX.</p> <p>4. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 278/TT-HĐQT ngày 18/09/2015 của Tổng Giám đốc Công ty trình HĐQT “xin ý kiến v/v bổ nhiệm Giám đốc Tài chính VOSA”.</p> <p>- Giao cho Ban Điều hành chuẩn bị nhân sự lãnh đạo Ban TCKT và báo cáo HĐQT xem xét bổ nhiệm trong thời gian tới.</p> <p>5. Về việc đối tác China Shipping Regional Holdings Pte Ltd., đề nghị mua lại toàn bộ phần vốn góp của VOSA (chiếm 40% vốn Điều lệ) tại liên doanh “Công ty TNHH China Shipping Việt Nam”: Hội đồng quản trị nhất trí giao Tổng Giám đốc trả lời đối tác là VOSA đang xin ý kiến của Vinalines và HĐQT, sẽ trả lời họ trong thời gian sớm.</p>
12	05/2015/NQ/HĐQT-NK3	22/10/2015	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua việc “Thỏa thuận hợp tác phát triển tài sản đối với Văn phòng VOSA Sài Gòn – số 3, 5, 7 Nguyễn Huệ, Q. 1, TP. HCM” theo Tờ trình số 334/TT-HĐQT ngày 20/10/2015 của Tổng Giám đốc Công ty và thông qua bản “Thỏa thuận hợp tác phát triển tài sản”.</p>
13	09/2015/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	23/10/2015	<p>Hội đồng quản trị nhất trí:</p> <p>- Bổ nhiệm có thời hạn 01 năm đối với ông Vũ Châu Thành – Phó Giám đốc Orimas giữ chức vụ Quyền Giám đốc Orimas.</p>
14	10/2015/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	16/11/2015	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG làm Công ty kiểm toán cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam năm 2015.</p>

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Giúp cho HĐQT trong quan hệ với các cổ đông lớn của VOSA, tư vấn nâng cao khả năng quản lý tài chính và công tác quản trị công ty.

- Góp ý kiến cho HĐQT trong công tác tư vấn đầu tư, các vấn đề liên quan đến công ty niêm yết.

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT	
4	Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS	0,0086	
3	Lê Hoàng	Thành viên BKS	0,0043	
4	Vũ Xuân Hưng	Thành viên BKS	0,0009	
5	Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2015 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành để thực hiện đưa Công ty lên niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành, quản lý công ty;

- Một số công việc khác theo quy định.

*** Đánh giá kết quả giám sát tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, lập báo cáo tài chính năm 2015 của công ty:**

- Hoạt động kinh doanh:

+ Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2015 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

+ Năm 2015, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng thấp hơn dự báo và còn nhiều yếu tố bất ổn. Tuy nhiên với sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Hội đồng quản trị, sự đồng lòng quyết tâm của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục tăng trưởng hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

*** Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015:**

- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
- Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2015; phân bổ các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 là Công ty TNHH KPMG.
- Công ty đã thực hiện kết chuyển số dư Quỹ Dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.
- Công ty đã thực hiện việc sửa đổi điều lệ theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012, phù hợp tình hình thực tế của Công ty và phù hợp với các quy định đối với công ty niêm yết.
- Công ty đã hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong tháng 12/2015.

*** Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015:**

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất và các Báo cáo tài chính do Ban điều hành Công ty lập, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH KPMG là “Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

*** Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty:**

- Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Năm 2015, HĐQT đã thực hiện 05 lần họp và 03 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 07 Nghị quyết liên quan đến công tác SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư, v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thống nhất kịp thời chỉ đạo Công ty hoàn thành các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cũng đã kịp thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán với các đơn vị hạch toán phụ thuộc còn tồn tại yếu kém, tuân thủ các quy định của Pháp luật;

+ Trong năm 2015 Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Đánh giá chung: HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao.

- Hoạt động của Ban điều hành:

+ Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty, chủ động tích cực ứng phó nhanh chóng kịp thời với những biến động của thị trường dịch vụ hàng hải trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và lĩnh vực hàng hải trong nước và thế giới để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao và thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

+ Trong năm qua Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Đánh giá chung: Ban Điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

*** Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016:**

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cần trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về SXKD và tài chính kế toán;

- Phối hợp cùng các Phòng/Ban chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ ... theo điều lệ Công ty, quy chế nội bộ và các quy định của Nhà nước.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua ngày 19/06/2015.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015
1	Thù lao HĐQT và BKS	1.164.000.000
2	Tiền thưởng HĐQT, BKS và BDH	653.752.816
	Cộng	1.817.752.816

Ghi chú: Tiền thưởng năm 2014 nhưng chi trong năm 2015.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 102/2010/TT-BTC, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan trong năm 2015, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty:**

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông chưa đúng thời hạn quy định: Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.

- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế phối hợp hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát; Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT và Tổng Giám đốc để thuận lợi cho công tác điều hành kinh doanh hàng ngày. Tuy nhiên, HĐQT chưa xây dựng được cụ thể các quy định về trình tự, thủ tục về đề cử, ứng cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm cũng như cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Một số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát chưa có chứng chỉ về quản trị công ty do UBCK cấp.

*** Kế hoạch khắc phục:**

- Hiện nay Công ty vẫn đang chờ thông tư mới thay thế Thông tư 121/2012/TT-BTC để tiếp tục hoàn thiện Điều lệ và các quy chế mới về quản trị công ty, để tăng cường hiệu quả hoạt động Công ty.

- Công ty sẽ yêu cầu các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty hoàn thành khóa học và có đầy đủ Chứng chỉ về quản trị công ty theo quy định.

VII. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến loại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 34 trong Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản công nợ đang tranh chấp với Manuchar Hong Kong Limited và Công ty TNHH Manuchar Việt Nam. Hiện tại, các công ty này đang khởi kiện Công ty về việc phải thanh toán các khoản nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán hàng hóa trong năm 2008 cùng lãi phát sinh. Đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa có phán quyết cuối cùng về các vụ kiện nêu trên và các bên đang trong quá trình đàm phán thống nhất dự thảo hòa giải ngoài tòa.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2015 kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến khoản nợ tiềm tàng phát sinh từ tranh chấp với các bên thứ ba.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-904



Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0864-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		376.248.649.378	396.345.192.798
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	184.135.373.810	216.246.123.176
Tiền	111		114.635.373.810	156.142.123.176
Các khoản tương đương tiền	112		69.500.000.000	60.104.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.000.000.000	32.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	37.000.000.000	32.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.185.536.544	134.558.614.644
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	115.444.223.162	119.968.949.280
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.832.934.162	1.035.952.126
Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	35.948.996.782	21.999.003.984
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(9.040.617.562)	(8.445.290.746)
Hàng tồn kho	140		175.500	5.791.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.927.563.524	13.534.663.478
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		636.349.773	4.923.373.606
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.071.124.347	8.367.383.174
Thuế phải thu Nhà nước	153	15b	220.089.404	243.906.698

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		237.310.280.714	251.530.314.916
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.964.789.470	7.673.122.270
Phải thu dài hạn khác	216	8b	7.964.789.470	7.673.122.270
Tài sản cố định	220		80.569.407.263	73.812.050.571
Tài sản cố định hữu hình	221	10	60.856.925.406	53.843.335.650
Nguyên giá	222		135.430.335.233	121.314.142.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.573.409.827)	(67.470.806.686)
Tài sản cố định vô hình	227	11	19.712.481.857	19.968.714.921
Nguyên giá	228		22.331.234.828	22.331.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.618.752.971)	(2.362.519.907)
Bất động sản đầu tư	230	12	49.801.071.781	55.624.547.741
Nguyên giá	231		74.584.104.356	79.412.091.656
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.783.032.575)	(23.787.543.915)
Tài sản dở dang dài hạn	240		75.533.676.718	75.784.877.239
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	75.533.676.718	75.784.877.239
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	21.064.185.510	34.312.764.898
Đầu tư vào công ty con	251		-	3.281.370.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		9.474.396.147	20.826.812.356
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.589.789.363	11.585.694.230
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.381.111.688)
Tài sản dài hạn khác	260		2.377.149.972	4.322.952.197
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.377.149.972	4.322.952.197
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		613.558.930.092	647.875.507.714

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		275.950.189.687	331.824.848.111
Nợ ngắn hạn	310		261.002.499.537	316.854.877.961
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	84.013.518.902	104.457.790.709
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.226.015.048	19.799.288.560
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15a	14.395.364.675	39.065.172.666
Phải trả người lao động	314		40.746.902.010	45.351.058.062
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.526.728.536	10.728.469.544
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16a	87.193.844.581	89.773.707.408
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	6.700.125.785	7.679.391.012
Nợ dài hạn	330		14.947.690.150	14.969.970.150
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16b	707.770.150	658.770.150
Vay dài hạn	338	18	13.739.920.000	13.811.200.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		337.608.740.405	316.050.659.603
Vốn chủ sở hữu	410	19	337.608.740.405	316.050.659.603
Vốn cổ phần	411	20	116.500.000.000	116.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.500.000.000	116.500.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	74.261.208.991	56.397.655.039
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	12.734.417.453	12.311.461.686
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.854.561.665	84.208.708.055
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.626.406.914	33.169.982.478
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		49.228.154.751	51.038.725.577
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.258.552.296	46.632.834.823
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		613.558.930.092	647.875.507.714

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Phan Văn Khánh
Giám đốc Tài chính
Trưởng ban Tài chính Kế toán

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	863.667.826.545	843.121.917.651
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	775.069.300.935	747.840.099.211
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		88.598.525.610	95.281.818.440
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	45.229.890.941	30.836.038.878
Chi phí tài chính	22	27	3.764.384.415	2.537.232.440
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Phần lãi trong công ty liên kết	24		6.232.019.434	11.464.210.183
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	80.206.891.709	85.201.708.273
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		56.089.159.861	49.843.126.788
Thu nhập khác	31	29	5.516.790.984	11.931.183.032
Chi phí khác	32		2.165.769.694	727.433.380
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.351.021.290	11.203.749.652
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59.440.181.151	61.046.876.440
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	10.586.308.927	9.941.419.011
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	461.002.158
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.853.872.224	50.644.455.271

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

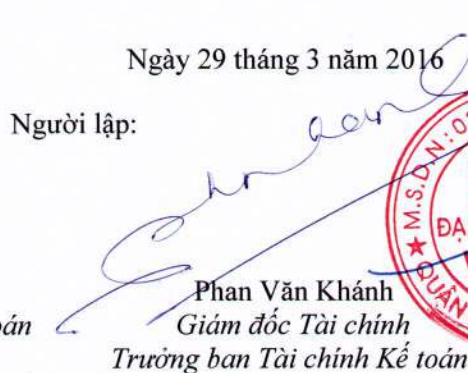
	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.853.872.224	50.644.455.271
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		49.228.154.751	51.038.725.577
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(374.282.527)	(394.270.306)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.782	4.381

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:




Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán



Phan Văn Khánh
Giám đốc Tài chính
Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	868.642.188.243	828.979.164.064
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(876.014.601.825)	(794.475.626.403)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(112.079.512.149)	(90.300.469.738)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.735.738.772)	(8.294.739.293)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.052.042.717.036	1.695.435.072.202
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.946.927.472.942)	(1.548.434.305.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.072.420.409)	82.909.094.848
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.867.319.413)	(12.520.883.039)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định các tài sản dài hạn khác	22	672.607.273	749.090.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(31.000.000.000)	(33.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	26.000.000.000	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(1.072.836.000)
6. Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	16.058.448.283	10.540.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.626.718.346	30.322.008.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.490.454.489	(982.619.812)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

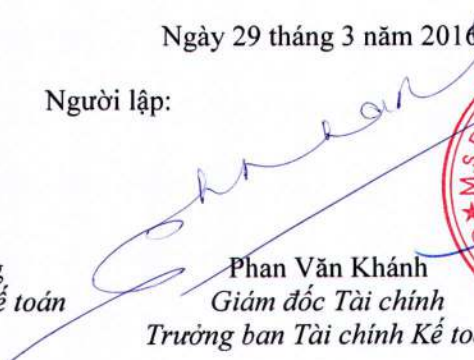
Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.381.451.185	6.921.730.003
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.381.451.185)	(4.919.229.730)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.652.200.000)	(11.656.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.652.200.000)	(9.654.099.727)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(32.234.165.920)	72.272.375.309
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	216.246.123.176	143.214.734.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	123.416.554	759.013.443
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	184.135.373.810	216.246.123.176

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:


 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán


 Phan Văn Khánh
 Giám đốc Tài chính
 Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu của Công ty bắt đầu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán VSA.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); dịch vụ khai thuê hải quan.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm công ty có một công ty con (1/1/2015: hai công ty con), là Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam. Hoạt động chính của công ty con là kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm công ty có một công ty liên kết (1/1/2015: hai công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 6(b). Hoạt động chính của công ty liên kết là bán và tiếp thị dịch vụ vận tải biển; cung cấp các thông tin theo yêu cầu; chuẩn bị tài liệu liên quan tới chứng từ vận tải; cung cấp dịch vụ vận tải biển bao gồm các dịch vụ vận tải; dịch vụ thông quan, chi tiết dịch vụ khai thuê hải quan; và các dịch vụ giúp đỡ và hỗ trợ vận tải khác, bao gồm môi giới hàng hải.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm công ty có 703 nhân viên (1/1/2015: 706 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Nhóm công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Nhóm công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b)); và
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(q)).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Nhóm công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Nhóm công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Nhóm công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Nhóm công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 49 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm tương ứng 444 VND.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm công ty cho rằng Nhóm công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ hàng hải và dịch vụ có liên quan.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	2.435.316.777	2.166.045.008
Tiền gửi ngân hàng	112.200.057.033	153.976.078.168
Các khoản tương đương tiền	69.500.000.000	60.104.000.000
	<hr/>	<hr/>
	184.135.373.810	216.246.123.176

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	37.000.000.000	37.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	% sở hữu	31/12/2015 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	1/1/2015 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty TNHH SYMS Việt Nam (i)		-	-	-		51%	3.281.370.000	1.381.111.688
							3.281.370.000	1.381.111.688
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (ii)		-	-	-		49%	10.825.038.179	-
• Công ty TNHH China Shipping Việt Nam (iii)		40%	9.474.396.147	-		40%	10.001.774.177	-
			9.474.396.147	-			20.826.812.356	-
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iv)	913.390		7.400.160.000	-	913.390		7.400.160.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000		2.020.000.000	-	200.000		2.020.000.000	-
• Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000		500.000.000	-	50.000		500.000.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam		51%	1.072.836.000	-		51%	1.072.836.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam		1%	63.746.040	-		1%	63.746.040	-
• Công ty liên doanh Bông Sen		0,27%	533.047.323	-		0,27%	528.952.190	-
			11.589.789.363	-			11.585.694.230	-
			21.064.185.510	-			35.693.876.586	1.381.111.688

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009. Công ty đã giảm ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con, bao gồm 3.281.370.000 VND và khoản dự phòng giảm giá đầu tư 1.381.111.688 VND, cân trừ với khoản tiền giữ hộ đơn vị này. Số tiền giữ hộ còn lại ghi nhận trong phải trả ngắn hạn khác là 3.737.387.440 VND (thuyết minh 16(a)).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411021000026 ngày 24 tháng 10 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đã đầu tư 3.158.540.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ, vào Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam). Trong năm 2015, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào đơn vị này cho nhà đầu tư chi phối của đơn vị, Nippon Yusen Kabushiki Kaisha, với giá bán là 16.058.448.283 VND. Biên bản họp ngày 3 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line) cũng cho biết thêm ngoài giá thanh lý, Công ty sẽ được chia 49% trên số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của đơn vị tại thời điểm thanh lý. Khoản lợi nhuận còn lại phải thu 8.934.416.969 VND đã được ghi nhận trong phải thu ngắn hạn khác (thuyết minh 8(a)).
- (iii) Công ty TNHH China Shipping Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 15 năm kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000393 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 2411/GP ngày 11 tháng 8 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép đầu tư điều chỉnh. Các chủ sở hữu của công ty là China Shipping Regional Holdings Sdn Bhd và Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
- (iv) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	18.946.868.061	-
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	13.186.417.987	12.438.653.981
Công ty TNHH SDV Việt Nam	2.009.151.665	14.200.415.276
Các khách hàng khác	81.301.785.449	93.329.880.023
	<hr/> 115.444.223.162	<hr/> 119.968.949.280

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	115.444.223.162	119.968.949.280
	<hr/> 115.444.223.162	<hr/> 119.968.949.280

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	355.340.831	355.340.831
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	198.653.400	-
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	660.000	-
	<hr/> 680.064.914	<hr/> 480.751.514

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	9.471.635.953	7.276.522.631
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.934.416.969	50.000.000
Tạm ứng nhân viên	7.006.823.514	5.554.979.786
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.182.328.888	1.502.470.833
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.116.345.000	1.560.118.750
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	91.411.126	43.308.400
Phải thu khác	6.146.035.332	6.011.603.584
	35.948.996.782	21.999.003.984

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	7.964.789.470	7.673.122.270
	7.964.789.470	7.673.122.270

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Daiichi Chuo								
Marine Co., Ltd.	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-
Khách hàng khác	Trên 3 năm	3.123.937.018	3.123.937.018	-	Trên 3 năm	1.811.062.120	1.811.062.120	-
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	397.256.524	278.079.567	119.176.957	Từ 2 – 3 năm	841.243.686	588.870.580	252.373.106
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341	Từ 1 – 2 năm	649.103.132	321.714.669	327.388.463
Khách hàng khác	Dưới 1 năm	2.140.000	-	2.140.000	Dưới 1 năm	492.492.474	147.747.742	344.744.732
		<u>9.224.639.860</u>	<u>9.040.617.562</u>	<u>184.022.298</u>		<u>9.369.797.047</u>	<u>8.445.290.746</u>	<u>924.506.301</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu
khó đòi ngắn hạn

9.040.617.562

8.445.290.746

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.737.511.172	38.015.819	43.590.799.304	4.947.816.041	121.314.142.336
Tăng trong năm	2.971.308.501	-	586.554.545	149.860.455	3.707.723.501
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.172.486.487	-	-	-	11.172.486.487
Thanh lý	-	-	(722.017.091)	(42.000.000)	(764.017.091)
Số dư cuối năm	86.881.306.160	38.015.819	43.455.336.758	5.055.676.496	135.430.335.233
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	36.948.524.663	38.015.819	26.731.037.097	3.753.229.107	67.470.806.686
Khấu hao trong năm	3.373.839.641	-	4.010.068.067	482.712.524	7.866.620.232
Thanh lý	-	-	(722.017.091)	(42.000.000)	(764.017.091)
Số dư cuối năm	40.322.364.304	38.015.819	30.019.088.073	4.193.941.631	74.573.409.827
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	35.788.986.509	-	16.859.762.207	1.194.586.934	53.843.335.650
Số dư cuối năm	46.558.941.856	-	13.436.248.685	861.734.865	60.856.925.406

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 29.371.253.438 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 28.267.117.419 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	688.087.149	1.674.432.758	2.362.519.907
Khấu hao trong năm	225.218.414	31.014.650	256.233.064
Số dư cuối năm	913.305.563	1.705.447.408	2.618.752.971
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	19.658.568.379	310.146.542	19.968.714.921
Số dư cuối năm	19.433.349.965	279.131.892	19.712.481.857

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 123.700.000 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 123.700.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	79.412.091.656
Thanh lý	(3.298.174.000)
Giảm khác	(1.529.813.300)
	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	23.787.543.915
Khấu hao trong năm	4.293.662.660
Thanh lý	(3.298.174.000)
	24.783.032.575
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	55.624.547.741
Số dư cuối năm	49.801.071.781

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm công ty không thực hiện việc định giá. Không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Nhóm công ty.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	75.784.877.239	33.720.982.321
Tăng trong năm	10.921.285.966	42.459.627.297
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.172.486.487)	(395.732.379)
	75.533.676.718	75.784.877.239

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản tại lô đất số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	75.228.158.489	73.356.185.507
Dự án sửa chữa khách sạn của VOSA Quảng Ninh	-	1.910.665.776
Chi phí sửa kho IC VOSA Quảng Ninh	-	229.307.727
Dự án nhà văn phòng Vitamas	305.518.229	288.718.229
	75.533.676.718	75.784.877.239

14. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn	13.429.265.853	13.429.265.853	8.595.254.396	8.595.254.396
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	4.321.481.182	4.321.481.182	12.770.889.591	12.770.889.591
Các nhà cung cấp khác	66.262.771.867	66.262.771.867	83.091.646.722	83.091.646.722
	84.013.518.902	84.013.518.902	104.457.790.709	104.457.790.709

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	84.013.518.902	84.013.518.902	104.457.790.709	104.457.790.709

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là bên liên quan:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.695.491	1.695.491	664.470	664.470
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	2.714.238.374	2.714.238.374	4.009.681.458	4.009.681.458
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	-	-	251.173.190	251.173.190
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	28.374.957	28.374.957	9.610.233	9.610.233
	<u>2.744.308.822</u>	<u>2.744.308.822</u>	<u>4.271.129.351</u>	<u>4.271.129.351</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	525.377.901	12.949.802.496	(12.905.549.113)	569.631.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.555.724.807	10.586.308.927	(12.735.738.772)	1.406.294.962
Thuế thu nhập cá nhân	648.659.045	2.981.354.470	(2.971.656.854)	658.356.661
Thuế nhà đất	-	83.296.536	(83.296.536)	-
Tiền thuê đất	22.911.469.387	3.895.067.156	(26.368.297.543)	438.239.000
Các loại thuế khác	11.093.572.518	41.744.537.654	(41.515.267.404)	11.322.842.768
Các khoản phải nộp khác				
Các khoản phụ thu	330.369.008	666.579.563	(996.948.571)	-
Phí, lệ phí	-	302.659.840	(302.659.840)	-
	<u>39.065.172.666</u>	<u>73.209.606.642</u>	<u>(97.879.414.633)</u>	<u>14.395.364.675</u>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại				
Thuế thu nhập cá nhân	226.086.443	22.448.450	(46.265.744)	202.269.149
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.820.255	-	-	17.820.255
	243.906.698	22.448.450	(46.265.744)	220.089.404

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	48.189.867.415	47.087.144.335
Ký ngân của các hãng tàu	12.244.568.320	21.199.467.400
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.360.724.825	207.924.825
Phải trả Manuchar Hong Kong Limited	8.342.091.909	8.342.091.909
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.705.071.720	5.335.632.029
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	5.637.645.752
Kinh phí công đoàn	1.176.114.256	1.170.553.923
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	33.500.888	68.195.659
Phải trả khác	404.517.808	725.051.576
	87.193.844.581	89.773.707.408

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	628.763.838	619.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng Ocean Park của Europac Shipping	79.006.312	39.006.312
	707.770.150	658.770.150
	707.770.150	658.770.150

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.679.391.012	9.196.865.132
Trích lập trong năm (thuyết minh 19)	5.977.745.115	4.162.285.919
Sử dụng trong năm	(6.957.010.342)	(5.679.760.039)
	6.700.125.785	7.679.391.012
	6.700.125.785	7.679.391.012

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.977.745.115 VND (2014: 4.162.285.919 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (i)	VND	Không	2019	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) (ii)	CNY	Không	2023	6.739.920.000	6.811.200.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				13.739.920.000	13.811.200.000

- (i) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 2/ĐLHH-ĐQH ngày 1 tháng 4 năm 2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 1 tháng 4 năm 2019 và không chịu lãi.
- (ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6.739.200.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo Hợp đồng số 1/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	116.500.000.000	47.609.219.421	10.418.416.972	60.199.874.028	2.427.065.929	237.154.576.350
Góp vốn	-	-	-	-	44.600.000.000	44.600.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	51.038.725.577	(394.270.306)	50.644.455.271
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	8.788.435.618	2.054.584.714	(10.843.020.332)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(4.162.285.919)	-	(4.162.285.919)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(11.650.000.000)	-	(11.650.000.000)
Trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	(374.585.299)	39.200	(374.546.099)
Sử dụng các quỹ	-	-	(161.540.000)	-	-	(161.540.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	116.500.000.000	56.397.655.039	12.311.461.686	84.208.708.055	46.632.834.823	316.050.659.603
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	49.228.154.751	(374.282.527)	48.853.872.224
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	17.863.553.952	1.531.161.767	(19.394.715.719)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.977.745.115)	-	(5.977.745.115)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(19.805.000.000)	-	(19.805.000.000)
Trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	(404.840.307)	-	(404.840.307)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.108.206.000)	-	-	(1.108.206.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	116.500.000.000	74.261.208.991	12.734.417.453	87.854.561.665	46.258.552.296	337.608.740.405

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 6 năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 19.805.000.000 VND (1.700 VND trên một cổ phiếu) (2014: 11.650.000.000 VND (1.000 VND trên một cổ phiếu)).

22. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31/12/2015, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2015: 11.650.000.000 VND) và Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 1.084.417.453 VND (1/1/2015: 661.461.686 VND).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.823.881 USD	63.353.988.584	3.295.729 USD	70.474.764.423

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	13.943.261.896	15.778.777.922
Từ hai đến năm năm	266.772.495.212	277.010.219.600
Sau năm năm	739.583.333	764.583.333
	<u>281.455.340.441</u>	<u>293.553.580.855</u>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu đại lý vận tải	521.524.189.511	523.720.612.188
Doanh thu kho ngoại quan	119.661.503.982	80.515.646.473
Doanh thu cho thuê phương tiện	64.591.577.863	61.386.178.617
Doanh thu đại lý tàu	54.208.713.071	48.210.309.110
Doanh thu đại lý liner	27.169.380.135	31.637.655.475
Doanh thu tạm nhập tái xuất	23.332.720.829	23.808.022.828
Doanh thu kiểm kiện	20.809.433.879	19.495.076.474
Doanh thu dịch vụ tàu	12.277.563.512	30.876.084.912
Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	11.565.943.223	13.960.492.411
Doanh thu dịch vụ khác	8.526.800.540	9.511.839.163
	863.667.826.545	843.121.917.651

25. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	79.690.476.529	78.731.908.807
Chi phí khấu hao	9.844.280.008	10.032.688.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.543.608.509	640.730.356.512
Chi phí khác	22.990.935.889	18.345.145.358
	775.069.300.935	747.840.099.211

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	6.193.949.499	4.822.300.949
Cổ tức và lợi nhuận được chia	25.504.310.470	16.435.928.335
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.363.689.429	6.324.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.535.997.567	3.253.809.594
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	631.943.976	-
	45.229.890.941	30.836.038.878

27. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	(1.844.008.630)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.741.140.030	3.814.187.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	558.385.844
Chi phí tài chính khác	23.244.385	8.667.960
	3.764.384.415	2.537.232.440

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	40.442.112.656	39.107.606.843
Chi phí khấu hao	2.572.235.948	3.165.018.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.021.806.041	32.156.328.888
Chi phí khác	6.170.737.064	10.772.753.912
	80.206.891.709	85.201.708.273

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	672.607.273	749.090.908
Xóa sổ các khoản nợ phải trả không xác định đối tượng	4.538.968.726	10.950.156.217
Các khoản khác	305.214.985	231.935.907
	<hr/>	<hr/>
	5.516.790.984	11.931.183.032
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	120.132.589.185	117.839.515.650
Chi phí khấu hao	12.416.515.956	13.197.707.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.565.414.550	672.886.685.400
Chi phí khác	29.161.672.953	29.117.899.270
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	9.973.091.390	9.159.654.411
Dự phòng thiếu trong những năm trước	613.217.537	781.764.600
	10.586.308.927	9.941.419.011
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập việc ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	461.002.158
Chi phí thuế thu nhập	10.586.308.927	10.402.421.169

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.440.181.151	61.046.876.440
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.076.839.853	13.430.312.817
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	9.318.211	10.937.832
Ảnh hưởng của phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	726.923.872	(2.522.126.240)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.677.775.650	2.151.354.905
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	93.182.107	109.378.322
Thu nhập không bị tính thuế	(5.610.948.303)	(3.559.201.067)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	613.217.537	781.764.600
	10.586.308.927	10.402.421.169

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong khoảng từ 20% đến 25% trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

32. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 5.170.000.000 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 11.650.000 cổ phiếu (2014: 11.650.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	49.228.154.751	51.038.725.577
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (kế hoạch)	(5.170.000.000)	-
	44.058.154.751	51.038.725.577

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	11.650.000	11.650.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11.650.000	11.650.000

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm công ty không có lãi suy giảm trên các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	10.111.260.000	5.947.800.000
Chi phí thuê văn phòng	921.600.000	921.600.000
Tiền điện phải trả	12.846.030	13.555.185
Chi phí dịch vụ phải trả	2.181.820	664.470
Các bên liên quan		
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam		
Cổ tức được chia	8.934.416.969	6.860.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	764.345.950	963.561.644
Chi phí dịch vụ phải trả	-	67.649.081
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	4.484.836.482	2.994.315.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	372.486.910
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Cổ tức được chia	50.000.000	25.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	433.045.329	272.341.129
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	229.754.661
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Chi phí dịch vụ phải trả	426.169.532	49.220.118
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.034.223.300	-
Chi phí dịch vụ phải trả	-	12.040.223.169
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.394.416	-
Chi phí dịch vụ phải trả	-	392.200.000

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.859.999	184.900.001
Chi phí dịch vụ phải trả	38.886.364	-
Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang		
Chi phí dịch vụ phải trả	114.570.369	4.582.017.656
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh		
Chi phí dịch vụ phải trả	21.269.115	3.290.754.540
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh		
Chi phí dịch vụ phải trả	433.438.554	397.053.110
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ phải trả	-	2.149.081.797
Nhận cung cấp dịch vụ	-	26.481.430
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ		
Chi phí dịch vụ phải trả	108.152.584	199.835.319
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.034.223.300	-
Chi phí dịch vụ phải trả	18.450.000	-
Công ty Vận tải biển Container Vinalines		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	548.004.600	-
Chi phí dịch vụ phải trả	3.000.001	-
Công ty Vận tải biển Vinalines		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.724.800	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.634.545	1.651.243.918
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.636.364	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương	5.479.200.395	4.900.885.891
Phụ cấp	862.153.270	1.472.044.597
Thưởng	552.325.772	565.320.618

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các khoản nợ tiềm tàng

Từ năm 2003 đến năm 2008, Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (“Chi nhánh”) đã ký kết các hợp đồng làm nhà phân phối cho Tập đoàn Manuchar NV (trụ sở tại Vương quốc Bỉ) (“Manuchar NV”) và các công ty thành viên của Tập đoàn Manuchar để thực hiện việc nhập khẩu và phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Hợp đồng phân phối này đã chấm dứt năm 2008.

Trong năm 2010, Manuchar Hong Kong Limited (“Manuchar Hong Kong”) đã khởi kiện đòi Công ty phải thanh toán số tiền 5.965.008,84 USD (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến 33 hợp đồng mua bán hàng hóa trong năm 2008 là 4.886.233,84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1.078.775 USD) tương đương 127.531.888.999 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD). Công ty trình bày rằng Chi nhánh chỉ thực hiện chức năng nhận và giao hàng hộ cho Manuchar Hong Kong theo hợp đồng nhà phân phối. Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng nhà phân phối giữa hai bên và Chi nhánh chỉ còn phải trả Manuchar Hong Kong số tiền 14.328,40 USD tương đương 306.341.192 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD), đây là số tiền hàng thiếu hụt trong quá trình giao nhận của 33 hợp đồng mà Chi nhánh phải đền bù. Do Công ty và Manuchar Hong Kong không thống nhất quan điểm trong phiên hòa giải nên đã đưa vụ kiện ra Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 10 năm 2011, Công ty TNHH Manuchar Việt Nam (“Manuchar Việt Nam”) tiếp tục gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền là 89.433.958.452 VND (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 66.991.729.178 VND và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2008 đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 là 22.442.229.274 VND). Vụ kiện này được Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý theo hồ sơ thụ lý số 1279/2011/KTST ngày 29 tháng 12 năm 2011 và tạm đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 03/2012/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2012 do chờ kết quả giải quyết của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng được ký kết với các nguyên đơn, ngoài khoản phải trả là 8.342.091.909 VND đã được ghi nhận trong phải trả ngắn hạn khác (thuyết minh 16(a)). Theo thư xác nhận từ luật sư của Công ty, Manuchar Hong Kong trong tháng 2 năm 2016 đã gửi dự thảo hòa giải ngoài tòa cho Công ty, theo đó chỉ yêu cầu Công ty thanh toán số tiền 8.342.091.909 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này hai bên vẫn đang trong quá trình đàm phán thống nhất dự thảo hòa giải ngoài tòa này.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


35. Số liệu so sánh


Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Nhóm công ty áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	21.999.003.984	14.854.554.858
Tài sản ngắn hạn khác	-	14.144.449.126
Phải thu dài hạn khác	7.673.122.270	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.585.694.230	-
Đầu tư dài hạn khác	-	18.585.694.230
Tài sản dài hạn khác	-	673.122.270
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.728.469.544	11.228.469.544
Chi phí phải trả dài hạn	500.000.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	12.078.008.426
Quỹ đầu tư và phát triển	56.397.655.039	44.319.646.613

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:  **Võ Trung Thắng**
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:  **Vũ Xuân Trung**
 Tổng Giám đốc

Phan Văn Khánh
 Giám đốc Tài chính
 Trưởng ban Tài chính Kế toán



**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**



A handwritten signature in blue ink is written over a red circular stamp. The stamp contains the following text: "M.S.D.N: 0300437898-C.T.Đ", "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM", and "QUẬN 7 - T. PHỐ CHÍ MINH".

Vũ Xuân Trung